

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 206/2017/HSST
Ngày: 19 - 12 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Phương Hoa.

2. Ông Hoàng Văn Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lương Duy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 198/2017/TL-HSST ngày 23 tháng 11 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 12 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Bùi Quốc T**, sinh năm 1980 tại Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn T1, xã Đ, huyện T2, tỉnh Thái Bình;

Chỗ ở: thôn T3, xã V, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 5/12;

Con ông Bùi Ngọc T, sinh năm 1952 và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1951;

Gia đình có 5 anh em, T là con thứ 4;

Vợ: Phạm Thị M, sinh năm 1982; Có 2 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 9 năm 2017 đến ngày 11 tháng 9 năm 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

2. Bị cáo **Trịnh Xuân H**, sinh năm 1977 tại Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn ĐV, xã V1, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 8/12;

Con ông Trịnh Xuân V (đã chết) và bà Đặng Thị C, sinh năm 1952; năm 1997 ông Trịnh Xuân V được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất;

Gia đình có 4 anh em, H là con thứ nhất;

Vợ: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1983; Có 3 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2012;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 9 năm 2017 đến ngày 11 tháng 9 năm 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

3. Bị cáo **Vũ Đình L1** (tên gọi khác: S), sinh năm 1986 tại Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn VT, xã V, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12;

Con ông Vũ Đình Đ, sinh năm 1948 và bà Bùi Thị Th, sinh năm 1960; năm 1986 ông Vũ Đình Đ được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng 3; năm 2001 ông Vũ Đình Đ được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang;

Gia đình có 2 chị em, L1 là con thứ 2;

Vợ: Vũ Thị Minh T, sinh năm 1994; Có 1 con sinh năm 2017;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 9 năm 2017 đến ngày 11 tháng 9 năm 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

4. Bị cáo **Phạm Viết T4**, sinh năm 1973 tại Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn Tam Lạc, xã V2, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12;

Con ông Phạm Viết Đ, sinh năm 1949 và bà Đặng Thị R, sinh năm 1950;

Gia đình có 4 anh em, T4 là con thứ nhất;

Vợ: Trần Thị H, sinh năm 1976; Có 2 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2005;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 9 năm 2017 đến ngày 11 tháng 9 năm 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

5. Bị cáo **Đào Xuân T5**, sinh năm 1972 tại Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn K, xã V2, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 10/12;

Con ông Đào Xuân T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1939; năm 1985 ông Đào Xuân T được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất; năm 1975, năm 1981 được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang;

Gia đình có 8 anh chị em, T5 là con thứ 6;

Vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1979; Có 2 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2007;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 9 năm 2017 đến ngày 11 tháng 9 năm 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

6. Bị cáo **Đỗ Thanh T6**, sinh năm 1988 tại Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn TB, xã V3, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 9/12;

Con bà Đỗ Thị L, sinh năm 1954, bố đẻ không rõ tên, lai lịch;

T6 là con duy nhất trong gia đình;

Vợ: Phạm Thị T, sinh năm 1990; Có 2 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 9 năm 2017 đến ngày 11 tháng 9 năm 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

7. Bị cáo **Nguyễn Ngọc H2**, sinh năm 1977 tại Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn Q, xã V, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 7/12;

Con ông Nguyễn Ngọc B (đã chết) và bà Vũ Thị L (đã chết); năm 1985 ông Nguyễn Ngọc B được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất;

Gia đình có 6 chị em, H2 là con thứ 5;

Vợ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1978; Có 2 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2005;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 9 năm 2017 đến ngày 11 tháng 9 năm 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

8. Bị cáo **Phạm Văn H3**, sinh năm 1990 tại Thái Bình;

Nơi cư trú: số nhà 451, đường HVT, tổ 2, xã V, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 11/12;

Con ông Phạm Xuân H, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1958;

Gia đình có 4 anh chị em, H3 là con thứ 4;

Chưa có vợ, con;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tháng 8 năm 2010 đóng quân tại Lữ đoàn 596, Binh chủng thông tin, quận 6, thành phố H đến tháng 8 năm 2012 xuất ngũ về địa phương; Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngày 24 tháng 11 năm 2017 Ủy ban kiểm tra thành ủy Thái Bình ra Quyết định số 28-QĐ/UBKT đình chỉ sinh hoạt Đảng đối với Phạm Văn H3;

Bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 9 năm 2017 đến ngày 11 tháng 9 năm 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

9. Bị cáo **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1978 tại Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn ĐV, xã V4, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 9/12;

Con ông Nguyễn Văn T, (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952;

Gia đình có 4 anh chị em, Th là con thứ nhất;

Vợ: Cao Thị L, sinh năm 1981; Có 2 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2008;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 9 năm 2017 đến ngày 11 tháng 9 năm 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

10. Bị cáo **Trần Văn L**, sinh năm 1982 tại Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn ĐP, xã V5, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12;

Con ông Trần Văn Ng (đã chết) và bà Đặng Thị N, sinh năm 1958;

Gia đình có 3 chị em, L là con thứ 2;

Vợ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1983; Có 2 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 9 năm 2017 đến ngày 11 tháng 9 năm 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

11. Bị cáo **Đoàn Văn Ng**, sinh năm 1975 tại Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn TL, xã V2, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 9/12;

Con ông Đoàn Văn K, sinh năm 1937 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1937;

Gia đình có 3 chị em, Ng là con thứ 3;

Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; Có 2 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2009;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tháng 3 năm 1997 đóng quân tại Trung đoàn 134 Bộ tư lệnh thông tin đến tháng 5 năm 2000 xuất ngũ về địa phương;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

12. Bị cáo **Phạm Xuân H4**, sinh năm 1983 tại Thái Bình;

Nơi cư trú: số nhà 451, đường HVT, tổ 2, xã V, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 9/12;

Con ông Phạm Xuân H, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1958;

Gia đình có 4 chị em, H4 là con thứ 2;

Vợ: Phạm Thị N, sinh năm 1986; Có 1 con sinh năm 2011;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tháng 12 năm 2002 đóng quân tại Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng phòng không không quân đến tháng 01 năm 2004 xuất ngũ về địa phương;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

13. Bị cáo **Phạm Văn Th1**, sinh năm 1976 tại Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn ĐV, xã V4, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 4/12;

Con ông Phạm Văn S (đã chết) và bà Hà Thị N, sinh năm 1934;

Gia đình có 3 chị em, Th1 là con thứ 3;

Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; Có 2 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2008;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Từ tháng 9 năm 1994 đóng quân tại đơn vị E605 Quân khu 3 đến tháng 9 năm 1996 xuất ngũ về địa phương;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

14. Bị cáo **Phạm Thị Nh**, sinh năm 1978 tại Thái Bình;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 10, tổ 11, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

Chỗ ở: thôn K, xã V2, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12;

Con ông Phạm Văn B, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1954; năm 1999 ông Phạm Văn B được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Huân chương chiến công hạng ba và năm 1997 được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất;

Gia đình có 6 anh chị em, Nh là con thứ nhất;

Chồng: Cao Thiên D; Có 2 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2004;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 9 năm 2017 đến ngày 11 tháng 9 năm 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Lê B, sinh năm 1977; Địa chỉ: thôn N, xã HT, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. (*Vắng mặt*)
2. Anh Lê Văn Ph, sinh năm 1981; Địa chỉ: thôn N, xã HT, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. (*Vắng mặt*)
3. Anh Lê Quốc T, sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn Đ, xã V4, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. (*Vắng mặt*)
4. Anh Nguyễn H Đ, sinh năm 1985; Địa chỉ: khu M, phường T, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn CL có trụ sở tại thôn K, xã V2, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tổ chức cho công nhân liên hoan từ khoảng 17 giờ 30 phút ngày 01 tháng 9 năm 2017 đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì các công nhân của công ty gồm: Bùi Quốc T, Vũ Đình L1, Đỗ Thanh T6, Phạm Viết T4 và Đào Xuân T5 đến quán nước của Phạm Thị Nh ở thôn K, xã V2 (cách công ty CL khoảng 15 mét) uống nước. Lúc này Phạm Thị Nh và chồng là anh Cao Thiên D đi vắng nên T rủ L1, T6, T4, T5 đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa, cả nhóm đồng ý. T nhặt vỏ bao thuốc lá vinataba ở quán cắt thành 04 quân vị hình tròn có một mặt màu vàng, một mặt màu trắng, rồi vào trong bếp lấy 01 chiếu chiếu tre màu vàng trải lên giường và lấy một bộ bát, đĩa từ chạn bát nhà Nh để đánh bạc. L1, T6, T4, T5 đi vào trong bếp nhà Nh đánh bạc cùng T, T là người cầm cái. Cả nhóm thống nhất luật chơi như sau: khi người cầm cái cho 04 quân vị vào đĩa úp bát lên xóc rồi đặt xuống chiếu bạc, những người khác dùng tiền để đặt cược, cửa chẵn thì đặt tiền vào vị trí từ bát hướng vào người T, cửa lẻ thì đặt tiền vào vị trí từ bát hướng ra ngoài; số tiền đặt tối thiểu là 10.000 đồng/lần, không hạn chế mức đặt tối đa; khi người chơi đặt cược xong thì người cầm cái mở bát, số lượng quân vị trên đĩa cùng màu là số chẵn (2 hoặc 4) tức là ván đó về cửa chẵn, còn số lượng quân vị cùng màu là số lẻ (1 hoặc 3) tức là ván đó về cửa lẻ, nếu người chơi nào đặt tiền vào cửa trùng với cửa đã về thì sẽ được lợi số tiền bằng đúng số tiền đã đặt, ngược lại nếu người chơi nào đặt tiền vào cửa không trùng với cửa đã về thì sẽ bị thua hết số tiền đã đặt, người cầm cái tự thu và trả cho người đánh bạc. Cả nhóm chơi đánh bạc đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày thì Phạm Thị Nh về nhà thấy nhóm của T đang đánh bạc trong bếp nhà mình nên hỏi “*Sao các ông lại đánh bạc ở đây*”, T trả lời “*Chị để chúng tôi chơi ở đây, lát tôi bảo mỗi người đưa cho chị 10.000 đồng*”, Nh hiểu là nếu để cho nhóm của T đánh bạc tại gian bếp nhà mình thì

mỗi người đánh bạc trả cho Nh 10.000 đồng nên Nh đồng ý và đi ra ngoài để cả nhóm tiếp tục đánh bạc. Khoảng 19 giờ 40 phút cùng ngày, Trịnh Xuân H và Nguyễn Ngọc H2 đến quán uống nước, thấy có đánh bạc trong bếp nên đã vào cùng tham gia đánh bạc. Khoảng 02 phút sau, có anh Nguyễn Lê B và anh Lê Văn Ph đến đứng ở cửa bếp xem đánh bạc. Lúc này, T nói “*mỗi ông nộp cho tôi 10.000 đồng tiền hồ, lát tôi đưa cho chủ nhà*”, T5, T6, H, T4 mỗi người đưa cho T 10.000 đồng, L1 đưa cho T 20.000 đồng nhưng T chưa trả lại tiền thừa, H2 bảo T nộp hồ H2 vì chưa có tiền lẻ. Đến khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày, T gọi Nh bán cho một bao thuốc lá vinataba và một chai nước trà xanh không độ, Nh mang thuốc lá, nước ngọt đến cửa bếp và đưa vào trong, T lấy 150.000 đồng (trong đó 30.000 đồng tiền thuốc, nước ngọt; 120.000 đồng tiền hồ gồm 40.000 đồng thu của T5, T6, H, T4, 20.000 đồng thu của L1, còn T bỏ ra 60.000 đồng trong đó có 10.000 đồng nộp cho H2), vì khoảng cách giữa T và Nh xa nên T nhờ anh Nguyễn Lê B đưa tiền cho Nh, Nh cầm tiền và đi ra ngoài. Khoảng 02 phút sau, T thấy 04 quân vị đã cũ nên cầm tiền đánh bạc của T đang để trên chiếu cho vào túi quần đi ra ngoài để cất quân vị khác, H thay T cầm cái để H, T5, T6, L1, T4 tiếp tục đánh bạc. Đến khoảng 19 giờ 50 phút cùng ngày, có Phạm Văn H3, Nguyễn Văn Th và Trần Văn L đến và cùng tham gia đánh bạc. Khoảng 20 giờ cùng ngày có anh Lê Quốc T, anh Nguyễn H Đ đến xem đánh bạc. Khoảng 05 phút sau, có Đoàn Văn Ng đến và cùng vào tham gia đánh bạc. Khoảng 02 phút sau có Phạm Văn Th1, Phạm Xuân H4 cùng vào tham gia đánh bạc. Đến khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày, T mang 04 quân vị mới vào đưa cho H, H bỏ 04 quân vị cũ và dùng 04 quân vị mới chuẩn bị xóc cái thì bị lực lượng công an thành phố Thái Bình phát hiện bắt quả tang, bắt giữ T, L1, T5, T6, T4, H, H2, L, H3, Th; Th1, Ng, H4 bỏ chạy thoát, sau đó Ng và H4 đã đến cơ quan điều tra đầu thú, đối với Th1 khi cơ quan điều tra triệu tập đã khai nhận hành vi đánh bạc. Khi bắt quả tang, tổ công tác Công an thành phố Thái Bình thu trên chiếu bạc số tiền 8.650.000 đồng, thu trên người T 1.350.000 đồng, Nh tự giác nộp số tiền 120.000 đồng, tại cơ quan điều tra Ng nộp lại 120.000 đồng, H4 nộp lại 80.000 đồng, Th1 nộp lại 50.000 đồng; ngoài ra tổ công tác còn quản lý 08 quân vị hình tròn, 01 kéo làm bằng kim loại, màu trắng, cán màu đen, 01 bộ bát đĩa bằng sứ, 01 chiếu tre màu vàng (đều đã qua sử dụng), quản lý của Vũ Đình L1 01 ví bên trong có 2.800.000 đồng, Nguyễn Ngọc H2 01 ví bên trong có 2.950.000 đồng, Phạm Văn H3 01 ví bên trong có 6.950.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và khai nhận số tiền sử dụng đánh bạc như sau:

Bùi Quốc T có 800.000 đồng, trả tiền nước, thuốc lá hết 30.000 đồng, còn lại 770.000 đồng sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt bắt quả tang cơ quan Công an

quản lý của T 1.350.000 đồng (trong đó tiền của T có 770.000 đồng, thắng 560.000 đồng).

Trịnh Xuân H có 1.570.000 đồng, Vũ Đình L1 có 1.070.000 đồng, Phạm Viết T4 có 1.100.000 đồng, Đào Xuân T5 có 850.000 đồng, Đỗ Thanh T6 có 800.000 đồng, Nguyễn Ngọc H2 có 750.000 đồng, Phạm Văn H3 có 650.000 đồng, Nguyễn Văn Th có 430.000 đồng, Trần Văn L có 400.000 đồng. Các bị cáo trên đều để tiền trên chiếu, quá trình chơi không rõ thắng thua, khi bị lực lượng Công an bắt quả tang đã thu giữ hết.

Đoàn Văn Ng có 170.000 đồng, thua 50.000 đồng, còn lại 120.000 đồng; Phạm Xuân H4 có 140.000 đồng, thua 60.000 đồng, còn lại 80.000 đồng; Phạm Văn Th1 có 100.000 đồng, thua 50.000 đồng, còn lại 50.000 đồng; khi bị lực lượng Công an bắt quả tang, Ng, H4, Th1 đều bỏ chạy thoát và cầm theo số tiền còn lại; quá trình điều tra, các bị cáo đã nộp lại số tiền trên.

Phạm Thị Nh đã cho các bị cáo đánh bạc tại bếp của nhà Nh để thu số tiền hồ là 120.000 đồng, khi bị lực lượng công an phát hiện bắt quả tang, Nh đã tự giác giao nộp số tiền trên.

Nguyễn Lê B đứng xem đánh bạc và chỉ giúp Bùi Quốc T đưa tiền cho Phạm Thị Nh, cơ quan điều tra không có hình thức xử lý đối với Nguyễn Lê Ba. Ngoài ra, tài liệu điều tra thể hiện còn có một số đối tượng khác tham gia đánh bạc nhưng chưa đủ căn cứ xác định tên, tuổi, địa chỉ của các đối tượng này, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo quy định.

Cáo trạng số 206/KSĐT ngày 22 tháng 11 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để xét xử đối với các bị cáo Bùi Quốc T, Vũ Đình L1, Đỗ Thanh T6, Đào Xuân T5, Phạm Viết T4, Trịnh Xuân H, Nguyễn Ngọc H2, Phạm Văn H3, Trần Văn L, Nguyễn Văn Th, Phạm Văn Th1, Đoàn Văn Ng, Phạm Xuân H4 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Thị Nh về tội "Gá bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh:

Tuyên các bị cáo Bùi Quốc T, Vũ Đình L1, Đỗ Thanh T6, Đào Xuân T5, Phạm Viết T4, Trịnh Xuân H, Nguyễn Ngọc H2, Phạm Văn H3, Trần Văn L, Nguyễn Văn Th, Phạm Văn Th1, Đoàn Văn Ng, Phạm Xuân H4 phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bị cáo Phạm Thị Nh phạm tội "Gá bạc" theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt:

2.1 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Quốc T mức án tù 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng; phạt tiền bị cáo từ 5 - 7 triệu đồng.

2.2 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trịnh Xuân H mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; phạt tiền bị cáo từ 5 - 7 triệu đồng.

2.3 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vũ Đình L1 mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, phạt tiền bị cáo từ 3 - 5 triệu đồng.

2.4 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Viết T4 mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, phạt tiền bị cáo từ 3 - 5 triệu đồng.

2.5 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đào Xuân T5 mức án tù 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, phạt tiền bị cáo từ 3 - 5 triệu đồng.

2.6 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Thanh T6 mức án tù 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, phạt tiền bị cáo từ 3 - 5 triệu đồng.

2.7 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H2 mức án tù 06 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 24 tháng, phạt tiền bị cáo từ 3 - 5 triệu đồng.

2.8 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn H3 mức án tù 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, phạt tiền bị cáo từ 3 - 5 triệu đồng.

2.9 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th mức án tù 04 tháng đến 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, phạt tiền bị cáo từ 3 - 5 triệu đồng.

2.10 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn L mức án từ 04 tháng đến 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, phạt tiền bị cáo từ 3 - 5 triệu đồng.

2.11 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 30, Điều 53 Bộ luật hình sự xử phạt tiền bị cáo Đoàn Văn Ng từ 7 - 10 triệu đồng.

2.12 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 30, Điều 53 Bộ luật hình sự xử phạt tiền bị cáo Phạm Xuân H4 từ 7 - 10 triệu đồng.

2.13 Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 30, Điều 53 Bộ luật hình sự xử phạt tiền bị cáo Phạm Văn Th1 từ 7 - 10 triệu đồng.

2.14 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt tiền bị cáo Phạm Thị Nh từ 9 - 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 - 24 tháng, phạt tiền bị cáo 5 - 7 triệu đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 41 BLHS, Đ76 BLTTHS:

3.1 Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 10.370.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

3.2 Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 08 quân vị hình tròn đường kính 02cm được làm từ vỏ bảo thuốc lá Vinataba, 01 kéo bằng kim loại; 01 chiếu tre màu vàng đã qua sử dụng.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố và không có tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, tạo điều kiện để các bị cáo tự cải tạo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại

phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong khoảng thời gian từ 19 giờ 15 phút đến 20 giờ 15 phút ngày 01 tháng 9 năm 2017, tại gian bếp nhà Phạm Thị Nh ở thôn K, xã V2, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, các bị cáo Bùi Quốc T, Vũ Đình L1, Đỗ Thanh T6, Đào Xuân T5, Phạm Viết T4, Trịnh Xuân H, Nguyễn Ngọc H2, Phạm Văn H3, Trần Văn L, Nguyễn Văn Th, Phạm Văn Th1, Đoàn Văn Ng và Phạm Xuân H4 cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới thức là đánh xóc đĩa, bị Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát hiện bắt quả tang; Nguyễn Thị Nh không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại nhà mình và thu số tiền hồ là 120.000 đồng; tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 10.370.000 đồng, trong đó thu trên chiếu bạc 8.650.000 đồng và thu trên người các bị cáo 1.720.000 đồng.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với nội dung truy tố của bản cáo trạng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của những người làm chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và còn được chứng minh bằng vật chứng của vụ án đã thu giữ được.

Hành vi của các bị cáo Bùi Quốc T, Vũ Đình L1, Đỗ Thanh T6, Đào Xuân T5, Phạm Viết T4, Trịnh Xuân H, Nguyễn Ngọc H2, Phạm Văn H3, Trần Văn L, Nguyễn Văn Th, Phạm Văn Th1, Đoàn Văn Ng và Phạm Xuân H4 đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc", theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự thì "1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm".

Hành vi của bị cáo Phạm Thị Nh đủ yếu tố cấu thành tội "Gá bạc", theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự thì "1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép với quy mô lớn hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi quy định tại Điều này và Điều 248 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến ba trăm triệu đồng hoặc phạt tù từ một năm đến năm năm".

- Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thấy:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn xã hội mà trực tiếp là xâm phạm đến nếp sống văn minh bởi đánh bạc, gá bạc là

tệ nạn xã hội. Các bị cáo đã có hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh sóc đĩa trong đó có thu tiền hồ để trả cho chủ nhà cho mượn địa điểm để các bị cáo đánh bạc. Hành vi đó của các bị cáo gây mất trật tự trị an, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác trong xã hội. Các bị cáo đều là đội ngũ công nhân, nông dân lao động thuần túy, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ, hậu quả do mình thực hiện nhưng chỉ vì sự ham vui, ham muốn vật chất nhất thời mà các bị cáo đã tổ chức đánh bạc với số lượng người chơi nhiều, số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 10.370.000 đồng. Đối với Nguyễn Thị Nh, bản thân nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn tiếp tay cho các đối tượng vào đánh bạc ngay tại nhà mình để nhằm thu lời bất chính (thu hồ).

- Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, xét vai trò từng bị cáo trong vụ án thấy:

Bùi Quốc T là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ đánh bạc, là người cầm cái trong chiếu bạc, và là người thu tiền hồ để trả cho Phạm Thị Nh, T tham gia đánh bạc ngay từ đầu, sử dụng số tiền 1.350.000 đồng để đánh bạc, do đó T giữ vai trò chính, vai trò thứ nhất trong vụ án.

Trịnh Xuân H không tham gia đánh bạc ngay từ đầu nhưng số tiền bị cáo sử dụng đánh bạc là cao nhất 1.570.000 đồng, khi T đi cắt quân vị mới, H là người thay T cầm cái cho đến khi bị bắt quả tang, do đó xác định H giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Vũ Đình L1, Phạm Viết T4 tham gia đánh bạc ngay từ đầu, số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc từ 1.070.000 đến 1.100.000 đồng, do đó các bị cáo xếp vai trò ngang nhau, vai trò thứ ba trong vụ án.

Đỗ Thanh T6, Đào Xuân T5, Phạm Văn H3 và Nguyễn Ngọc H2 đều tham gia đánh bạc, số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc tương đương nhau, từ 650.000 đồng đến 850.000 đồng, do đó các bị cáo xếp vai trò ngang nhau, vai trò thứ tư trong vụ án.

Nguyễn Văn Th, Trần Văn L, Đoàn Văn Ng, Phạm Văn Th1, Phạm Xuân H4 là những người vào tham gia đánh bạc sau cùng với số tiền tham gia đánh bạc nhỏ, chỉ từ 100.000 đồng đến 430.000 đồng, nên xếp vai trò ở vị trí cuối cùng, vai trò thứ năm trong vụ án.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy:

Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bùi Quốc T, Vũ Đình L1, Đỗ Thanh T6, Đào Xuân T5, Phạm Viết T4, Trịnh Xuân H, Nguyễn Ngọc H2, Phạm Văn H3, Trần Văn L, Nguyễn Văn Th,

Phạm Văn Th1, Đoàn Văn Ng, Phạm Xuân H4 đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền đánh bạc không lớn, do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Phạm Văn H3, Phạm Xuân H4, Đoàn Văn Ng có thời gian tham gia trong quân đội; sau khi bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang, Đoàn Văn Ng, Phạm Xuân H4 bỏ chạy thoát, sau đó đã đến cơ quan điều tra đầu thú; Phạm Thị Nh, Trịnh Xuân H, Vũ Đình L1, Đào Xuân T5, Nguyễn Ngọc H2 đều có bố đẻ được tặng thưởng huân, huy chương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

[4] Sau khi xem xét tính chất mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy:

Bùi Quốc T, Vũ Đình L1, Đỗ Thanh T6, Đào Xuân T5, Phạm Viết T4, Trịnh Xuân H, Nguyễn Ngọc H2, Phạm Văn H3, Phạm Thị Nh đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, do đó cần áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách phù hợp và giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tại phiên tòa hôm nay là phù hợp.

Trần Văn L, Nguyễn Văn Th, Phạm Văn Th1, Đoàn Văn Ng, Phạm Xuân H4 đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhất thời phạm tội ít nghiêm trọng, có khả năng tự cải tạo nên cần áp dụng Điều 30 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và phòng ngừa chung, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung, các bị cáo đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền, do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự đối với Bùi Quốc T, Vũ Đình L1, Đỗ Thanh T6, Đào Xuân T5, Phạm Viết T4, Trịnh Xuân H, Nguyễn Ngọc H2, Phạm Văn H3 để sung quỹ Nhà nước. Bị cáo Phạm Thị Nh cũng cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự sung quỹ Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng và về các vấn đề khác:

Đối với 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 08 quân vị hình tròn đường kính 02cm được làm từ vỏ bảo thuốc lá Vinataba, 01 kéo bằng kim loại và 01 chiếu tre màu vàng là công cụ để các bị cáo thực hiện tội phạm, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 10.370.000 đồng cơ quan điều tra đã quản lý là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với tiền, tài sản cơ quan điều tra đã quản lý của các bị cáo, gồm: Vũ Đình L1 01 ví bên trong có 2.800.000 đồng, Nguyễn Ngọc H2 01 ví bên trong có 2.950.000 đồng, Phạm Văn H3 01 ví bên trong có 6.950.000 đồng. Quá trình điều tra xác định các bị cáo không sử dụng số tiền trên để đánh bạc, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại các bị cáo tiền và tài sản trên, các bị cáo đã nhận lại và không có ý kiến đề nghị gì, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Quốc T, Vũ Đình L1 (tên gọi khác: S), Đỗ Thanh T6, Đào Xuân T5, Phạm Viết T4, Trịnh Xuân H, Nguyễn Ngọc H2, Phạm Văn H3, Trần Văn L, Nguyễn Văn Th, Phạm Văn Th1, Đoàn Văn Ng, Phạm Xuân H4 phạm tội "Đánh bạc".

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Nh phạm tội "Gá bạc".

2. Về hình phạt:

2.1 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Quốc T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19 tháng 12 năm 2017). Giao Bùi Quốc T cho UBND xã Đ, huyện T2, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

Phạt tiền bị cáo Bùi Quốc T 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2.2 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Xuân H 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19 tháng 12 năm 2017). Giao Trịnh Xuân H cho UBND xã V1, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

Phạt tiền bị cáo Trịnh Xuân H 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2.3 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Vũ Đình L1 (tên gọi khác: S) 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19 tháng 12 năm 2017). Giao Vũ Đình L1 (tên gọi khác: S) cho UBND xã V, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

Phạt tiền bị cáo Vũ Đình L1 (tên gọi khác: S) 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2.4 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Viết T4 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19 tháng 12 năm 2017). Giao Phạm Viết T4 cho UBND xã V2, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

Phạt tiền bị cáo Phạm Viết T4 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2.5 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Xuân T5 05 (năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19 tháng 12 năm 2017). Giao Đào Xuân T5 cho UBND xã V2, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

Phạt tiền bị cáo Đào Xuân T5 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2.6 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh T6 05 (năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19 tháng 12 năm 2017). Giao Đỗ Thanh T6 cho UBND xã V3, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

Phạt tiền bị cáo Đỗ Thanh T6 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2.7 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H2 05 (năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19 tháng 12 năm 2017). Giao Nguyễn Ngọc H2 cho UBND xã V, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Ngọc H2 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2.8 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H3 05 (năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19 tháng 12 năm 2017). Giao Phạm Văn H3 cho UBND xã V, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

Phạt tiền bị cáo Phạm Văn H3 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2.9 Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 30 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2.10 Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 30 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2.11 Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 30 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn Ng 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2.12 Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 30 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân H4 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2.13 Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 30 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Th1 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2.14 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Nh 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19 tháng 12 năm 2017). Giao Phạm Thị Nh cho UBND phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

Phạt tiền bị cáo Phạm Thị Nh 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự, xử:

3.1 Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 08 quân vị hình tròn đường kính 02cm được làm từ vỏ bảo thuốc lá Vinataba, 01 kéo bằng kim loại; 01 chiếu tre màu vàng (đều đã qua sử dụng).

3.2 Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 10.370.000 đồng (mười triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 98, 99 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L1 phí Tòa án.

Bùi Quốc T, Vũ Đình L1, Đỗ Thanh T6, Đào Xuân T5, Phạm Viết T4, Trịnh Xuân H, Nguyễn Ngọc H2, Phạm Văn H3, Trần Văn L, Nguyễn Văn Th, Phạm Văn Th1, Đoàn Văn Ng, Phạm Xuân H4 và Phạm Thị Nh mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo Bùi Quốc T, Vũ Đình L1 (tên gọi khác: Sinh), Đỗ Thanh T6, Đào Xuân T5, Phạm Viết T4, Trịnh Xuân H, Nguyễn Ngọc H2, Phạm Văn H3, Trần Văn L, Nguyễn Văn Th, Phạm Văn Th1, Đoàn Văn Ng, Phạm Xuân H4 và Phạm Thị Nh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án (ngày 19 tháng 12 năm 2017).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- Viện kiểm sát nhân dân TPTB;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra Công an TPTB;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPTB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Thùy Dương